TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 248/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13-10- 2017
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quang Minh.

Ông Huỳnh Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 396/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Hải L, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị Trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Vũ Minh T, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị Trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Trịnh Hải L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T kết hôn vào năm 1989, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được điểm chung, trong cuộc sống thường xảy ra cự cải, bà L và ông T ly thân khoảng 05 năm nay. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T có 02 con chung tên Vũ Thị Yến N, sinh 1991, Vũ Hoàng T, sinh năm 1994 đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Vũ Minh T có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn bà Trịnh Hải L khởi kiện xin ly hôn với ông T, nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông Vũ Minh T nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Minh T là phù hợp với quy định.

[3] Xét về hôn nhân: Bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T kết hôn vào năm 1989, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01 ngày 08 tháng 12 năm 1989 của Ủy ban nhân dân thị Trấn Đ cấp cho bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được điểm chung, trong cuộc sống thường xảy ra cự cải, bà L và ông T ly thân khoảng 05 năm nay. Tại phiên Tòa, bà L vẫn giữ y nội dung yêu cầu xin ly hôn với ông T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận cho bà Trịnh Hải L được ly hôn với ông Vũ Minh T.

[4] Xét về con chung: Bà Trịnh Hải L và ông Vũ Minh T có 02 con chung tên Vũ Thị Yến N, sinh 1991; Vũ Hoàng T, sinh năm 1994 đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trịnh Hải L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Hải L cho bà L được ly hôn với ông Vũ Minh T.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Trịnh Hải L phải chịu 300.000 đồng. Bà L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007253 ngày 14/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án đươc niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Minh Luân